

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **306/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 08-05-2018
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 614/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: 422/4 ấp GH, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* Hồ Văn O, sinh năm 1973; địa chỉ: 422/4 ấp GH, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-12-2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Trương Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh O kết hôn trên cơ sở tự nguyện; vào năm 1995 chị và anh O cưới nhau nhưng sau đó mới tiến hành đăng ký kết hôn với anh O tại Ủy ban nhân dân xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre vào ngày 15-6-2016. Sau khi kết hôn chị và anh O cùng làm ăn và sinh sống tại ấp Giang Hà, xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị và anh O sống hạnh phúc được 04 năm. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng mất hạnh phúc xuất phát từ việc anh O thường xuyên uống rượu say xỉn rồi ghen tuông, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị. Từ việc anh O thường xuyên chửi bới chị dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi vã và có dẫn đến xô xát lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã kéo dài trong nhiều năm qua mà không giải quyết được vì anh O không sửa đổi. Cách đây 02 năm chị đã nộp đơn xin ly hôn với anh O nhưng anh O hứa hẹn sửa đổi nên chị đã rút yêu cầu. Tuy nhiên sau đó anh O vẫn nhiều lần lặp lại những điều sai quấy và do không thể tiếp tục chịu đựng cuộc

sống hôn nhân không hạnh phúc, chị cũng không còn tình cảm với anh O nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: chị và anh O có 02 con chung: cháu Hồ Thị Huyền Hân, sinh ngày 01-4-1996 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết, còn cháu Hồ Thị Huyền Hương, sinh ngày: 16-8-2002 con chung hiện nay đang sống với chị. Khi chị và anh O ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hương và không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị T trình bày chị và anh O có tài sản chung nhưng anh và chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: chị T trình bày chị và anh O không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Theo nội dung bản khai, trong quá trình tố tụng bị đơn Hồ Văn O trình bày:

Anh thừa nhận về điều kiện tiến đến hôn nhân, việc đã đăng ký kết hôn, con chung như chị T trình bày. Về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị T anh cũng thừa nhận trong thời gian chung sống 23 năm qua giữa anh và chị T cũng có lúc cự cãi, giận hờn lẫn nhau nhưng giữa anh và chị T không có mâu thuẫn gì đáng kể. Do giận hờn anh chị T có nộp đơn ly hôn và sau đó vợ chồng hòa giải nên chị T đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Trong khoảng 01 năm qua do buồn việc làm ăn thua lỗ nên anh có thường xuyên uống rượu. Mặt khác do anh có nghe người khác nói chị T có tình cảm với người đàn ông khác nên anh có cản nhắc chị T từ đó cả hai xảy ra cãi vã nhau thường xuyên. Vì tính khí chị T nóng nảy nên có lúc hai vợ chồng xảy ra xô xát lẫn nhau chứ anh không ý đánh đập chị T. Chị T đã bỏ đi làm mà không về nhà từ nhiều tháng qua, thỉnh thoảng có về thăm nhà nhưng bỏ mặc, không tâm gì đến anh. Anh cũng đã cố gắng để hai vợ chồng hàn gắn nhưng chị T không cho anh cơ hội được gặp gỡ và nói chuyện để làm hòa với nhau. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị T. Về con chung anh đề nghị tòa giải quyết theo qui định pháp luật. Anh và chị T cũng có một số tài sản chung, hiện chị T không yêu cầu chia và do không đồng ly hôn nên anh không có yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung. Anh và chị T không có nợ chung.

Bị đơn Hồ Văn O đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh O theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị T, anh O và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy: trong thời gian chung sống chị T và anh O đã phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã tìm cách để anh, chị hàn gắn nhưng không thành. Do đó có căn

cứ hôn nhân giữa chị T và anh O mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị T thì chị T yêu cầu ly với anh O, yêu cầu về nuôi con chung nên đây là tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Hồ Văn O cư trú tại ấp Giang Hà, xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do đó căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: anh Oanh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Oanh.

[4] *Về hôn nhân*: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Trương Thị T và anh Hồ Văn O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Điền, huyện Thạnh Phú cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/6/2006. Do đó hôn nhân của chị T và anh O đã hội đủ các qui định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy rằng hôn nhân của anh chị đã trải qua khoảng thời gian dài mâu thuẫn từ việc anh O thường uống rượu say và do nghi ngờ lòng chung thủy của chị T nên thường xuyên chửi bới, lăng mạ chị dẫn đến cãi vã nhau, có lúc xô xát lẫn nhau như cả hai cùng thừa nhận và tình trạng này đã diễn ra trong thời gian dài mà không khắc phục được dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng. Chị T xác định chị đã chịu đựng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc trong 18 năm qua và hiện không còn tình cảm với anh O; còn anh O yêu cầu được hàn gắn tình cảm nhưng chị T không đồng ý và vẫn kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn mặc dù tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để cả hai hàn gắn đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị T và anh O đã sống ly thân hơn 06 tháng nay.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng cùng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị T và O đều vi phạm về nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau: anh Oanh thiếu tôn trọng và tin tưởng chị T trong tình cảm vợ chồng, chị T khi không khuyên giải được thì bỏ mặc anh O, cả hai cãi vã nhau thường xuyên dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh O là phù hợp.

[5] *Về nuôi con chung*: chị T và anh O thống nhất cháu Hồ Thị Huyền Hân, sinh ngày 01-4-1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu Hồ Thị Huyền Hương, sinh ngày 16-8-2002 hiện nay đang sống với chị T, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và anh O cũng không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu nuôi con, cháu Hương cũng có nguyện vọng sống cùng chị T khi cha mẹ ly hôn nên có căn cứ giao cháu Hương cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; đồng thời ghi nhận việc anh O không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

[6] *Về tài sản chung*:chị T và anh O không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: chị T và anh O trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với qui định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị T. Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Hồ Văn O.

Chị T và anh O không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*: ghi nhận con chung Hồ Thị Huyền Hân, sinh ngày 01-4-1996 đã trưởng thành chị T và anh O không yêu cầu giải quyết. Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Thị Huyền Hương, sinh ngày 16-8-2002; ghi nhận việc anh O không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. *Về tài sản chung*: chị T và anh O không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: chị T và anh O trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0014189 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã An Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Cao Thanh Minh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Hai Nguyễn Văn Chót

Cao Thanh Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN SƠN – HUỲNH THỊ MINH TÂM

CAO THANH MINH

Nơi nThắng:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh